TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 535/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/6/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1047/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lưu Thanh B. - sinh năm 1981;

Bị đơn: ông Nguyễn Quốc A. - sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, bà Lưu Thanh B. – có mặt, ông Nguyễn Quốc A. – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2017, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Lưu Thanh B. trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Quốc A. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi kết hôn bà

có biết ông A. từng nghiện ma túy nhưng đã đi cai nghiện nên bà đồng ý chung sống cùng ông A. Đến khi về chung sống vợ chồng, bà mới biết mặc dù gia đình đã đưa ông A. đi cai nghiện nhiều lần nhưng ông A. vẫn tiếp tục sử dụng lại ma túy. Do nhiều lần khuyên can nhưng ông A. vẫn không thay đổi, ông A. không cùng bà chăm lo gia đình. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc A.

- Về con chung: Bà và ông A. có 02 con chung là trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng., sinh ngày 26/9/2007 và trẻ Nguyễn Quốc An B., sinh ngày 04/7/2009. Do trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng. từ nhỏ đã sống với ông bà nội và ông A., ông bà nội và ông A. rất thương yêu và chăm sóc tốt cho trẻ Bảo Ng. nên bà đồng ý để trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng. cho ông bà nội cùng ông A. trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Nguyễn Quốc An B. do bà chăm sóc từ nhỏ nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ An B. và không yêu cầu ông A. cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà xác nhận không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Quốc A. vẫn vắng mặt và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bản thân.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lưu Thanh B. vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Nguyễn Quốc A. vắng mặt mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 220 và Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ , xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2006, quyển số 01/P13 ngày 30/8/2006 của Ủy ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, thì quan hệ giữa bà Lưu Thanh B. và ông Nguyễn Quốc A. là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Do ông A. hiện đang cư ngụ tại

phường Y, quận Tân Phú và bà B. nộp đơn khởi kiện (về việc ly hôn) tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* ông Nguyễn Quốc A. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Quốc A.

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của bà B. trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự đang cư ngụ, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà B. và ông A. có mâu thuẫn xuất phát từ việc ông A. thường sử dụng ma túy, không cùng bà B. chăm lo gia đình. Mặc dù đã cố hàn gắn nhưng ông A. vẫn không thay đổi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, bà B. yêu cầu ly hôn với ông A. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Quốc A. nhưng ông A. không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến của bản thân. Việc này thể hiện bị đơn ông Nguyễn Quốc A. đã không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lưu Thanh B. là có cơ sở.

- Về con chung: Bà Lưu Thanh B. xác nhận bà và ông Nguyễn Quốc A. có 02 con chung là trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng., sinh ngày 26/9/2007 và trẻ Nguyễn Quốc An B., sinh ngày 04/7/2009.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, trẻ Bảo Ng. có mong muốn được tiếp tục chung sống cùng ông bà nội và ông A. Nguyên đơn bà Lưu Thanh B. trình bày trẻ Bảo Ng. từ nhỏ đã sống cùng với ông bà nội và ông A. Ông bà nội và ông A. rất thương yêu và chăm sóc tốt cho trẻ Bảo Ng. Hội đồng xét xử nhận thấy nên tiếp tục giao trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng. cho ông A. trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng trẻ Nguyễn Quốc An B. do nguyên đơn bà Lưu Thanh B. chăm sóc từ nhỏ và bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ An B. Tại bản khai ngày 16/3/2018, trẻ An B. có nguyện vọng được chung sống cùng bà B. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao trẻ An B. cho bà B. trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Nguyên đơn bà Lưu Thanh B. không cấp dưỡng nuôi con chung Bảo Ng. và không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quốc A. cấp dưỡng nuôi con chung An B. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Riêng phần cấp dưỡng nuôi trẻ Bảo Ng., Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho bị đơn ông Nguyễn Quốc A. trong vụ án khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà B. xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này ông A. có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì ông A. được quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thanh Bé.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lưu Thanh B. phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lưu Thanh B.:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thanh B. được ly hôn với ông Nguyễn Quốc A.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112/2006, quyển số 01/P13 ngày 30/8/2006 của Ủy ban nhân dân phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lưu Thanh B. và ông Nguyễn Quốc A. không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Lưu Bảo Ng., sinh ngày 26/9/2007 cho ông Nguyễn Quốc A. trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là trẻ Nguyễn Quốc An B., sinh ngày 04/7/2009 cho bà Lưu Thanh B. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc A. không cấp dưỡng nuôi trẻ An B. Giành quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Bảo Ng. cho bị đơn ông Nguyễn Quốc A. trong vụ án khác.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà B. hoặc ông A. không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà B. hoặc ông A., hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà B. và ông A. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà B. hoặc ông A. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà B. hoặc ông A.

-Về tài sản chung và nợ chung: bà B. xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này ông A. có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì ông A. được quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Bà Lưu Thanh B. phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010045 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lưu Thanh B. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiển